TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Tâm

Ông Nguyễn Văn Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 294/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 205/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Q; địa chỉ: XX, ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Phạm Văn T; địa chỉ: XX, ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Phạm Văn T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, sau đó có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng năm 2010. Vợ chồng có 01 người con chung là Phạm Minh Đ sinh ngày 14/12/2009. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh T; về con chung chị Q yêu cầu được trực tiếp

nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phạm Văn T, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho chị Q trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, chị Q là nguyên đơn và anh T là bị đơn đều vắng mặt, nhưng chị Q đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị Q nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn, nên chị Q yêu cầu ly hôn anh T. Riêng về phía anh T, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải anh đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng anh T tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay chị Q kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh T thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T có 01 người con chung chưa thành niên, chị Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi là cháu Phạm Minh Đ thì cháu cho biết nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu cha mẹ phải ly hôn, do đó để đáp ứng được nguyện vọng của cháu Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị Q để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi

con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện của chị Q không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét..

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Phạm Văn T.

- *Về con chung:* Giao cháu Phạm Minh Đ sinh ngày 14/12/2009 cho chị Nguyễn Thị Q để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00038XX, ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã Đ, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu